

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-01-2022

V/v: “Ly hôn,

Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Đạt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng Hiệp

Ông Ngô Bá Hượng

-Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy-Thư ký TAND huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư-Kiểm sát viên.

Ngày 22-01-2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 226/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2021 về “Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/12/2021, giữa:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng A, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; (vắng mặt)

-Bị đơn: Ông Lã Đức B, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Hoàng A trình bày:

Về hôn nhân: Bà A và Ông Lã Đức B tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2001, được UBND xã 2, huyện Xuyên Mộc cấp chứng nhận kết hôn số 45, ngày 29/10/2001 hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức hỏi, cưới. Sau khi lấy nhau cả hai về chung sống tại tổ 11, ấp 1, xã 2, huyện 3;

Bà A và ông B chung sống hạnh phúc đến tháng 08/2019 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do ông B thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn về kiếm có đánh đập bà A dẫn đến vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc. Từ tháng 4/2021 bà A đã dẫn theo con chung tên Lã Tài A1 về tỉnh Đắk Nông sống và vợ chồng đã ly thân. Nhận thấy vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không có nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà A và ông B có 03 con chung tên Lã Tài Ng, sinh ngày 10/3/2002, Lã Tài Q, sinh ngày 23/02/2005 đang sống cùng ông B và Lã Tài A1, sinh ngày 31/10/2013 đang sống cùng bà A; Bà A yêu cầu giao cháu A1 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Q cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Ng đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con.

Cháu Lã Tài Q có nguyện vọng được sống cùng ông B, cháu Lã Tài A1 có nguyện vọng được sống cùng bà A.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Ông Lã Đức B được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS. Tuy nhiên bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Về yêu cầu của nguyên đơn thì thấy, hôn nhân giữa bà A và ông B là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A. Bà A và ông B có 03 con chung tên Lã Tài Ng, sinh ngày 10/3/2002, Lã Tài Q, sinh ngày 23/02/2005 đang sống cùng ông B và Lã Tài A1, sinh ngày 31/10/2013 đang sống cùng bà A; Bà A yêu cầu giao cháu A1

cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Q cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của con chung nên cần chấp nhận. Bà A, ông B không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nên không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:** Bà A yêu cầu ly hôn với ông B, yêu cầu giải quyết về con chung, ông B có hộ khẩu thường trú tại huyện Xuyên Mộc; căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS), HĐXX xác định quan hệ tranh chấp “*Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Xuyên Mộc.

[2] **Về người tham gia tố tụng:** Bị đơn ông B được Tòa án tổng đạt Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định tại các Điều 173, 177, 179 BLTTDS nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; bà A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận nên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] **Về hôn nhân:** Bà A và ông B được Ủy ban nhân dân **UBND xã 2, huyện Xuyên Mộc** cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (BL 13), theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa bà A, ông B là hôn nhân hợp pháp.

[4] **Về yêu cầu ly hôn:** Bà A xác nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2019 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do ông B thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn về kiểm soát đánh đập bà A dẫn đến vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc. Từ tháng 4/2021 bà A đã dẫn theo con chung tên Lã Tài A1 về tỉnh Đắk Nông sống và vợ chồng đã ly thân đến nay. HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn sống chung, không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông B.

[5] **Về nuôi con chung và cấp dưỡng cho con:** Bà A yêu cầu giao cháu Lã Tài A1, sinh ngày 31/10/2013 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lã Tài

Q, sinh ngày 23/02/2005 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì “*vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con*” nhưng ông B không có mặt tại tòa án để thể hiện rõ quan điểm của mình về vấn đề này. Bà A và ông B tuy không có tài liệu chứng minh về thu nhập của mình nhưng theo lời khai của cháu Q và cháu A1, từ khi vợ chồng ly thân cháu Q và cháu A1 được bà A và ông B chăm lo việc học tập đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức; cháu Q có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng ông B, cháu A1 có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bà A. Để đảm bảo cho việc học tập, sinh hoạt của các con chung được ổn định, phù hợp với lợi ích của con chung nên cần giao cháu Q cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu A1 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi lần lượt các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi phát sinh căn cứ pháp lý làm chấm dứt nghĩa vụ nuôi con.

[6] **Về tài sản chung và nợ chung:** Do bà A không yêu cầu nên HĐXX không xem xét quyết định.

[7] **Về tài liệu chứng cứ:** Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và lời thừa nhận của các bên phù hợp với quy định tại các Điều 93, 94, 95, 96 BLTTDS là chứng cứ của vụ án.

[8] **Về án phí:** Đối với vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn.

[9] **Về phát biểu của Kiểm sát viên:** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

[10] **Về quyền kháng cáo, kháng nghị:** Các đương sự và Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định BLTTDS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Các Điều 19, 51, 56, 57, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 85, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

-Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 173, 177, 179, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự;

-Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Hoàng A đối với Ông Lê Đức B.

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoàng A được ly hôn với Ông Lã Đức B.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng cho con: Bà Nguyễn Thị Hoàng A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lã Tài A1, sinh ngày 31/10/2013, Ông Lã Đức B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lã Tài Q, sinh ngày 23/02/2005 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi phát sinh các căn cứ pháp lý làm chấm dứt quyền và nghĩa vụ nuôi con. Bà A và ông B không phải cấp dưỡng cho do cả hai không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn bà A, ông B đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Bà A, ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà bà A, ông B và những người thân thích không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hoàng A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/009379 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc. Bà A đã nộp đủ án phí.

- Ông Lã Đức B không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp kháng nghị bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày; VKSND cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tuyên án (**ngày 24/01/2022**). Các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

4. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Chi Cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã 2 (CNKH 45 ngày 29/10/2001);
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Đạt